

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-PT

Ngày: 04-3-2019

V/v T/c HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Số nhà 271, ấp T, xã T B, huyện C, tỉnh T.

Bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Đỗ Văn C theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2018 tại Văn phòng công chứng Tr.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Đỗ Văn C: Luật sư Lê Văn L – Công ty Luật TNHH MTV S, Đoàn luật sư tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà 191/1, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Số nhà 70/1, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh L;

Ông Nguyễn Ngọc K ủy quyền cho bà Phan Thị Kim T theo văn bản ủy quyền được UBND xã L chứng thực ngày 07/8/2018.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn đơn Đỗ Văn C và Nguyễn Thị T.

(Ông C, bà N, bà T và Luật sư L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nguyên đơn Đỗ Văn C, Nguyễn Thị T trình bày tóm tắt như sau:

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2016, vợ chồng ông bà có cho bà Huỳnh Thị N vay số tiền 135.000.000đồng (*sau đây viết tắt từ đồng là đ*), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, định kỳ bốn tháng trả lãi một lần, thời hạn vay 12 tháng. Bà N có trả lãi cho vợ chồng ông bà được tổng cộng 12 tháng (*tính đến 15/01/2017*) là 32.400.000đ (*mỗi tháng là 2.700.000đ, bà N khấu trừ số tiền hoa hồng của 12 tháng là 3.240.000đ*). Từ ngày 15/01/2017 đến ngày 15/5/2018, bà N không trả lãi cho vợ chồng ông bà nữa. Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền vốn vay là 135.000.000đ, tiền lãi từ 15/01/2017 đến ngày 15/4/2018 là 40.500.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 175.500.000đ, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thị N trình bày: Vào năm 2012, Hội liên hiệp phụ nữ xã L, huyện C, tỉnh L thành lập Tổ 02 phụ nữ ấp L, xã L với 48 hội viên, trong đó có ông Đỗ Văn C và bà Phan Thị Kim T. Bà được tín nhiệm bầu làm tổ trưởng, tổ phó là bà Nguyễn Thị Kiêm B. Theo sự thống nhất của chị em hội viên trong tổ, hàng tháng chị em hội viên góp vốn lại với nhau, tổ trưởng nhận vốn và ghi sổ sách rõ ràng, sau đó tổ trưởng xét cho chị em khó khăn trong tổ vay. Theo quy chế là chị em hội viên nào vay thì trong thời hạn 04 tháng phải hoàn trả cả vốn và lãi cho tổ với lãi suất 2%/tháng, trả xong rồi mới xét cho vay lại, nhưng vì chị em vay còn gặp khó khăn nên xin trả lãi trong thời hạn 04 tháng, còn phần vốn đến cuối năm sẽ trả hoàn tất cho tổ. Ngày 15/6/2015, ông C có đến xin tham gia vào Tổ 02 phụ nữ ấp L. Cùng ngày 15/6/2015, ông C có gửi tiết kiệm vào tổ với số tiền là 100.000.000đ với sự có mặt của ban cán sự tổ và các chị Nguyễn Thị Kiêm B, Võ Thị Thu Tr, Lê Thị Bé B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thanh L cùng một số chị em khác trong tổ. Số tiền này tổ trưởng nhận và xét cho chị em hội viên trong tổ vay. Ngày 15/8/2015, ông C tiếp tục gửi cho tổ số tiền 20.000.000đ, số tiền này cũng được xét cho chị em trong tổ vay.

Ngày 15/10/2015, ông C có đến tổ lấy tiền lãi của khoản tiền 100.000.000đ gửi ngày 15/6/2015 là 8.000.000đ, có ghi sổ sách đầy đủ. Ngày 15/01/2016 (tổng kết năm), ông C đến lấy tiền lãi của khoản tiền 100.000.000đ gửi ngày 15/6/2015 là 6.000.000đ, lấy tiền lãi của khoản tiền 20.000.000đ gửi ngày 15/8/2015 là 2.000.000đ, có ghi sổ sách ký tên. Cũng trong ngày 15/01/2016, ông C gửi tiếp cho tổ số tiền 15.000.000đ, số tiền này cũng xét cho

chị em trong tổ vay, ông C có ký tên vào sổ. Ông C nhập 03 khoản tiền của 03 lần gửi thành tổng cộng 135.000.000đ, đến ngày 15/5/2016 ông C lấy tiền lãi là 10.800.000đ, ngày 15/9/2016 ông C tiếp tục nhận tiền lãi là 14.800.000đ, đến ngày 15/01/2017 (tổng kết năm) ông C nhận tiếp 10.800.000đ tiền lãi, các lần nhận tiền lãi đều có ghi sổ sách và ký tên rõ ràng. Từ ngày 15/01/2017, theo quy chế của tổ là tổ phải trả tiền vốn 135.000.000đ cho ông C, nhưng vì số tiền của ông C gửi trước đó đã xét cho hội viên Nguyễn Ngọc K cùng vợ là Phan Thị Kim T vay chưa trả cho tổ, nên tổ chưa thể trả lại cho ông C. Sau đó, ông C có làm đơn khởi kiện vợ chồng bà T, ông K ra Tòa án để đòi nợ, nhưng đến ngày 03/4/2018, ông C rút lại đơn khởi kiện, nên Tòa án nhân dân huyện C đã đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà phải trả 135.000.000đ tiền vốn cùng 43.200.000đ tiền lãi thì bà không đồng ý. Bởi vì, bà chỉ là tổ trưởng tổ vay vốn của tổ 02 phụ nữ ấp L, bà không có vay tiền của ông C. Khoản tiền hoa hồng bà nhận từ ông C cũng được chi vào hoạt động của tổ như: đám tang, thăm bệnh, thăm tân binh, mua quà cho hội viên....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Kim T (Bà T còn là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc K) trình bày tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/11/2018, được tóm tắt như sau:* Bà với ông Đỗ Văn C là bà con chú bác. Bà có vay số tiền 139.000.000đ của Tổ 02 phụ nữ ấp L và hiện còn nợ số tiền vốn là 139.000.000đ. Khi vay tiền, bà không biết nguồn gốc số tiền này là của ai trong tổ. Bà xác định nội dung và chữ ký trong bản khai ngày 29/3/2018 là đúng chữ ký của vợ chồng bà và do vợ chồng bà khai. Bà xác định khi nào bà có tiền sẽ trả lại cho tổ.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 463, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Huỳnh Thị N với số tiền vốn vay 135.000.000đ và lãi chậm trả là 40.500.000đ. Tổng cộng vốn và lãi chậm trả là 175.500.000đ.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp 8.775.000đ (tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.380.000đ (bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002185 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông C, bà T phải liên đới nộp tiếp 4.395.000đ (bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 30/11/2018, nguyên đơn Đỗ Văn C, Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị N phải trả cho ông C, bà T tiền vốn vay 135.000.000đ, tiền lãi 40.500.000đ, tổng cộng 175.500.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông C xác định tổng số tiền 135.000.000đ mà ông đưa cho bà N là ông cho bà N vay, nên ông chỉ yêu cầu cá nhân bà N phải trả cả vốn và lãi theo như đơn khởi kiện

Luật sư Lê Văn L phát biểu quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như sau: Ông C có góp vào Tổ vay vốn do bà N làm tổ trưởng với số tiền tổng cộng là 135.000.000đ, bà N là người trực tiếp giao dịch với ông C thì bà N có nghĩa vụ phải trả lại tiền nợ gốc và lãi cho ông C theo đúng thỏa thuận, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông C. Trường hợp Hội đồng xét xử xác định khoản tiền 135.000.000đ này không phải do cá nhân bà N vay và chịu trách nhiệm trả mà do Tổ 02 phụ nữ ấp L chịu trách nhiệm, thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết lại.

Bị đơn Huỳnh Thị N không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và sự thừa nhận của các đương sự trước Tòa, việc ông C gửi tiền vào Tổ 02 phụ nữ ấp L 03 lần, tổng cộng là 135.000.000đ là đúng sự thật. Tuy nhiên, ông C và bà T lại xác định khoản tiền này là cho cá nhân bà N vay và khởi kiện yêu cầu bà N chịu trách nhiệm trả vốn và lãi là không phù hợp. Ông C, bà T kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh có việc cho bà N vay tiền, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện đúng thời hạn thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa

phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo là ông Đỗ Văn C vẫn xác định khoản tiền ông đang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là khoản tiền ông cho bà N vay và yêu cầu bà N phải chịu trách nhiệm trả lại cả vốn và lãi là 175.500.000đ. Căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T thấy rằng: Căn cứ vào nội dung Giấy nhận tiền ngày 15/01/2017 mà ông C, bà T dùng làm căn cứ khởi kiện, thể hiện khoản tiền này ông C, bà T gọi vào Tổ 02 phụ nữ ấp L. Lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều cho thấy khoản tiền 135.000.000đ này ông C, bà T gọi vào Tổ 02 phụ nữ ấp L do bà N làm tổ trưởng để lấy lãi, có sổ sách do ông C ký tên khi gọi tiền và khi nhận tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định khoản tiền 135.000.000đ mà ông C, bà T đang khởi kiện bà N theo Giấy nhận tiền ngày 15/01/2017 không phải là khoản tiền mà ông C, bà T cho cá nhân bà N vay, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông C. Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng bản chất sự việc là không cần thiết. Bởi vì, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích cho ông C nhiều lần nhưng ông C vẫn khẳng định khoản tiền này vợ chồng ông cho cá nhân bà N vay và chỉ khởi kiện yêu cầu bà N chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét nghĩa vụ của các tổ viên khác trong Tổ 02 phụ nữ ấp L. Từ những phân tích trên cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Trường hợp ông C, bà T xác định khoản tiền đã gọi vào Tổ 02 phụ nữ ấp L đã đến hạn mà chưa được hoàn trả lại theo thỏa thuận, thì được quyền khởi kiện một vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T;

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Huỳnh Thị N với số tiền vốn vay 135.000.000đ và lãi chậm trả là 40.500.000đ. Tổng cộng vốn và lãi chậm trả là 175.500.000đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp 8.775.000đ (*tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.380.000đ (*bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002185 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông C, bà T phải liên đới nộp tiếp 4.395.000đ (*bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ. Chuyển 600.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C, bà T đã nộp theo các biên lai số 0001032 và 0001233 cùng ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm, nên ông C, bà T không phải nộp tiếp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh